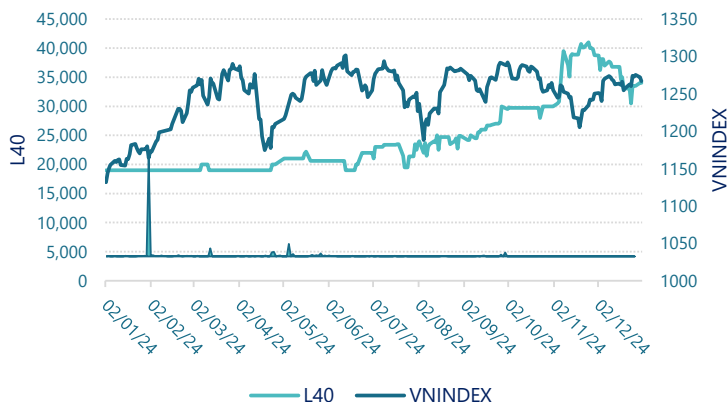




CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 (HNX: L40)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	3,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,680
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
P/E	2.9
EPS	11,729

DT thuần

Q4/24

173

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.9 | 118%

YoY: ▲ 132 | 318%

LN sau thuế

Q4/24

38.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.2 | 1988%

YoY: ▲ 37.7 | 13006%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.7%

+/- YoY: ▲ 14.4%

DT thuần

2024

341

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 230 | 208%

LN sau thuế

2024

42.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.1 | 3702%

ROE

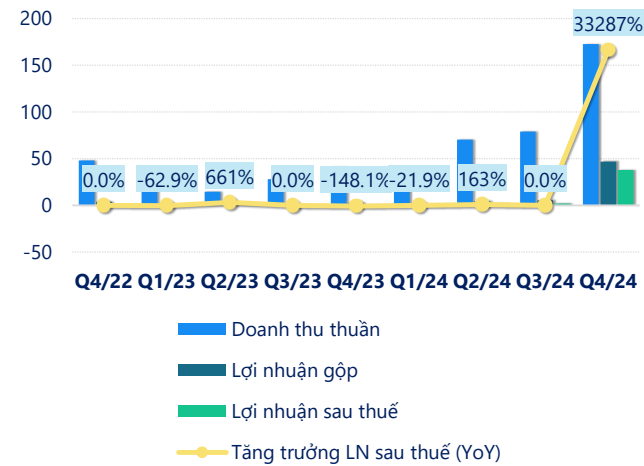
2024

48.8%

+/- YoY: ▲ 47.1%

tỷ VNĐ

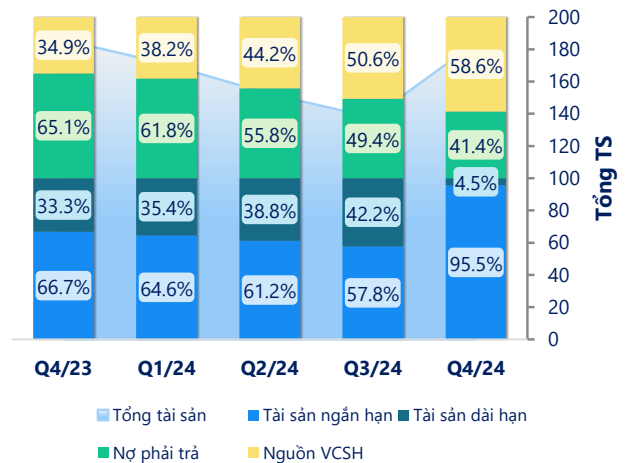
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

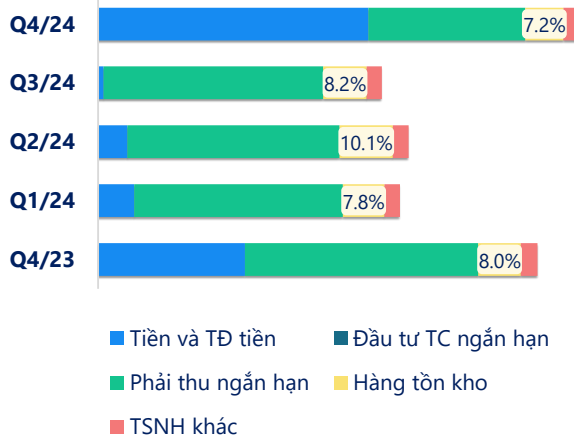
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



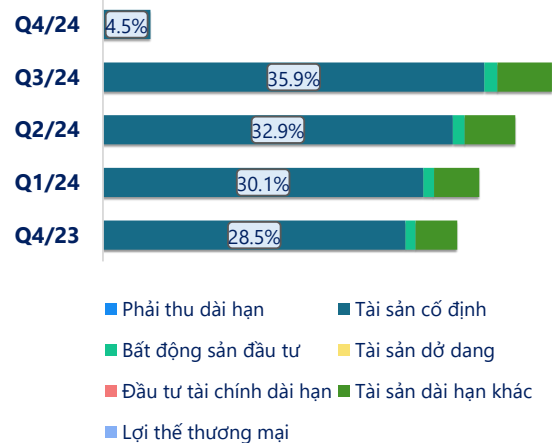
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

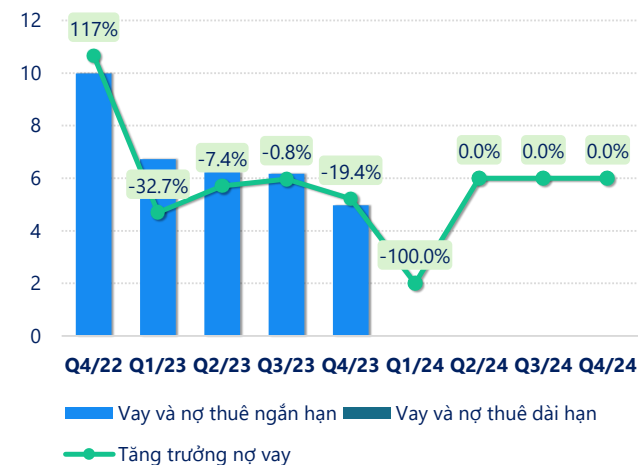
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

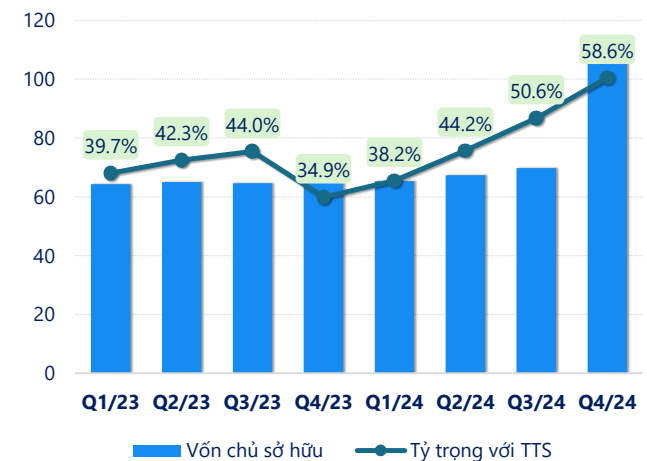
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

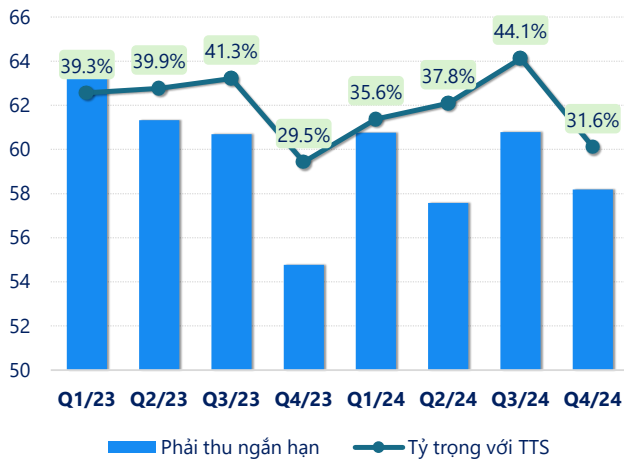
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



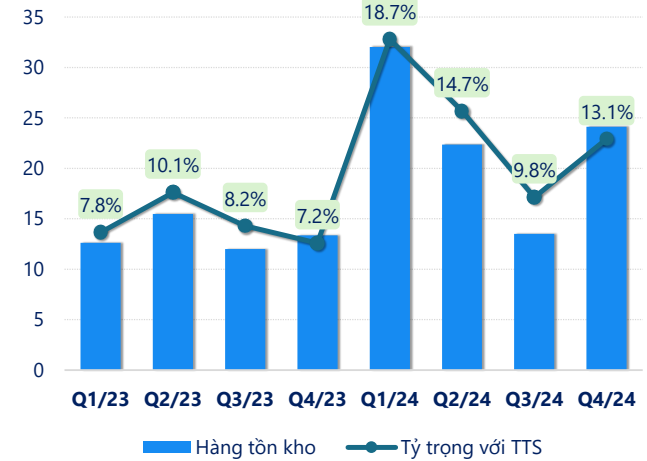
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


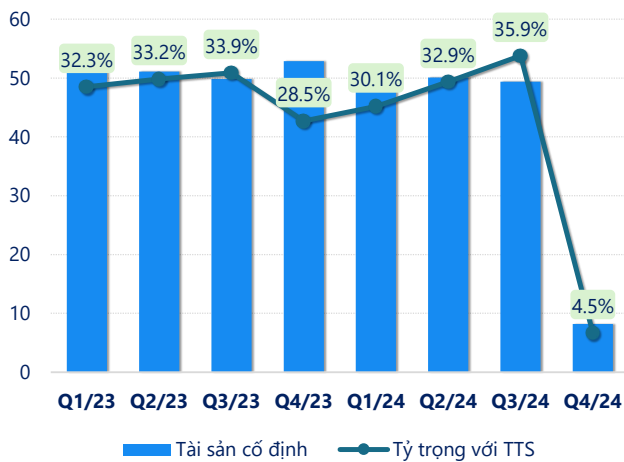
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


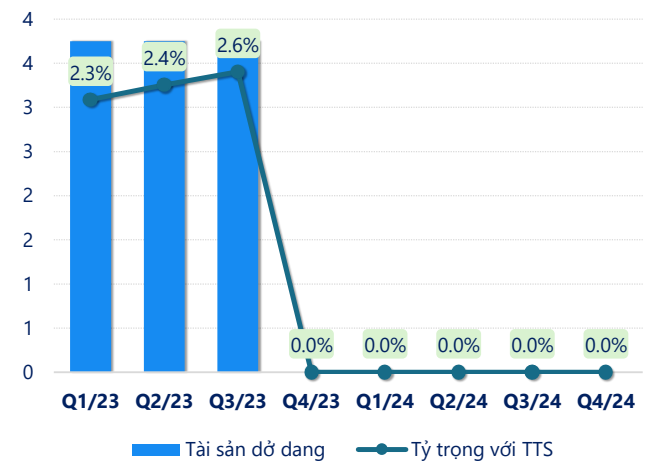
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

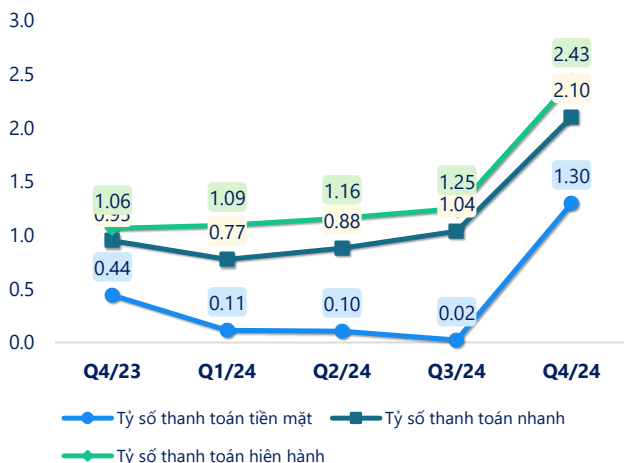
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

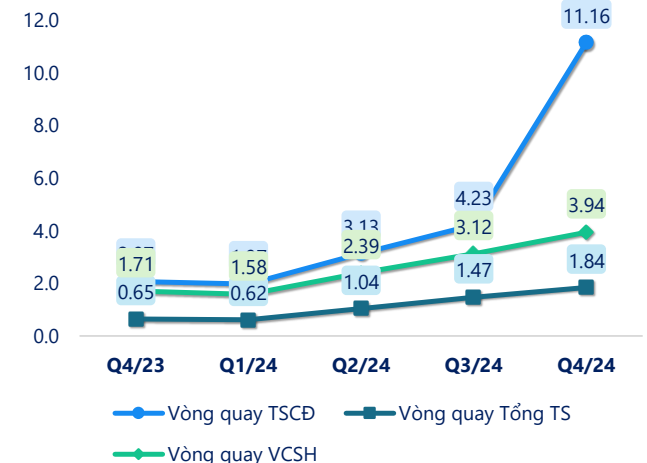
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	186	171	152	138	184
Tài sản ngắn hạn	124	110	93.2	79.6	176
Tiền và tương đương tiền	51.3	11.6	8.38	1.44	93.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	54.8	60.8	57.6	60.8	58.2
Hàng tồn kho	13.4	32.0	22.3	13.5	24.1
Tài sản ngắn hạn khác	4.39	6.05	4.95	3.85	0
Tài sản dài hạn	61.9	60.5	59.0	58.2	8.21
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	52.9	51.5	50.1	49.4	8.21
Bất động sản đầu tư	1.73	1.71	1.70	1.68	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.32	7.27	7.23	7.09	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	121	106	85.0	68.0	76.2
Nợ ngắn hạn	116	101	80.6	63.7	72.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.97	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	23.6	16.8	20.5	26.5	35.4
Nợ dài hạn	4.40	4.40	4.40	4.27	3.89
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.9	65.3	67.3	69.7	108
Vốn chủ sở hữu	64.9	65.3	67.3	69.7	108
Vốn điều lệ	36.0	36.0	36.0	36.0	36.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)